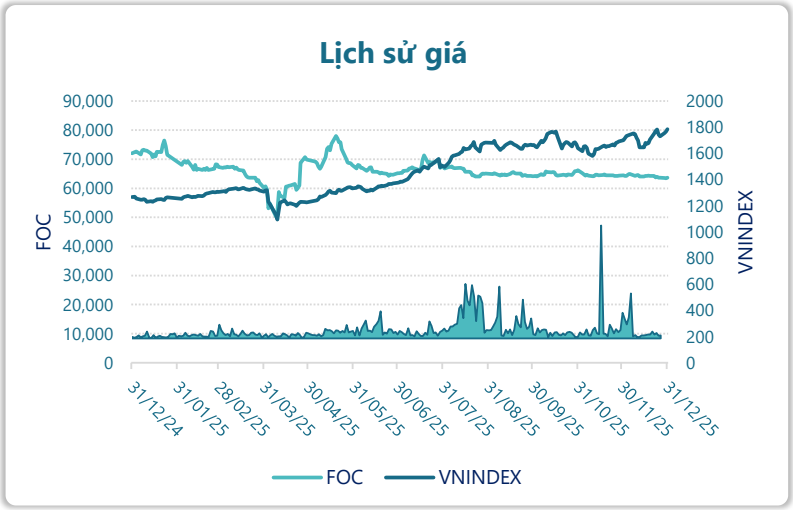
FireAnt

CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT (UPCOM: FOC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**63,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	77,980
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,307
SL cổ phiếu LH	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,130
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,172
P/E	7.5
EPS	8,515

DT thuần

Q4/25

256

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.0| 15.9%

YoY: ▲ 31.0| 13.8%

LN sau thuế

Q4/25

47.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.40| 3.1%

YoY: ▲ 9.80| 26.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

24.4%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

805

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100| 14.2%

LN sau thuế

2025

157

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0| 18.1%

ROE

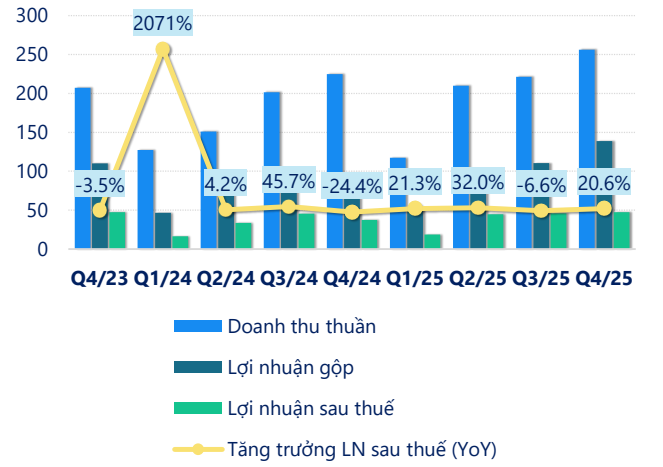
2025

19.8%

+/- YoY: ▲ 2.6%

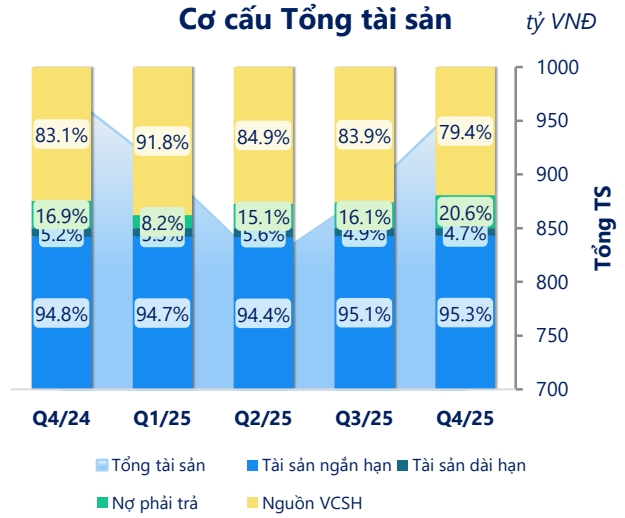
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



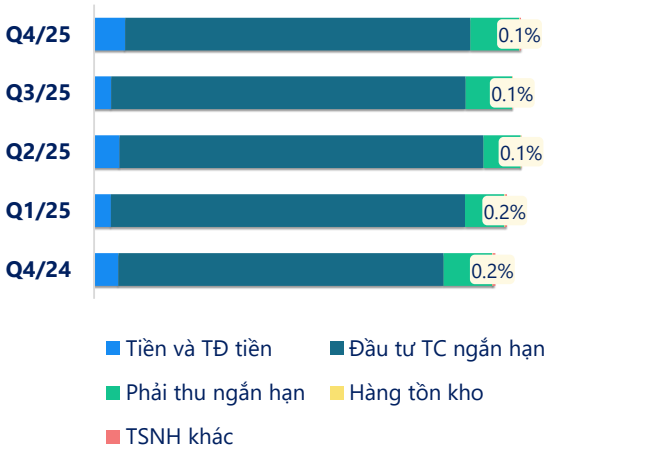
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



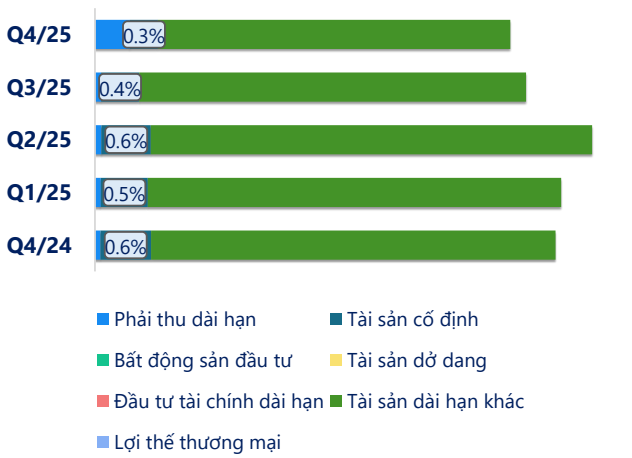
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



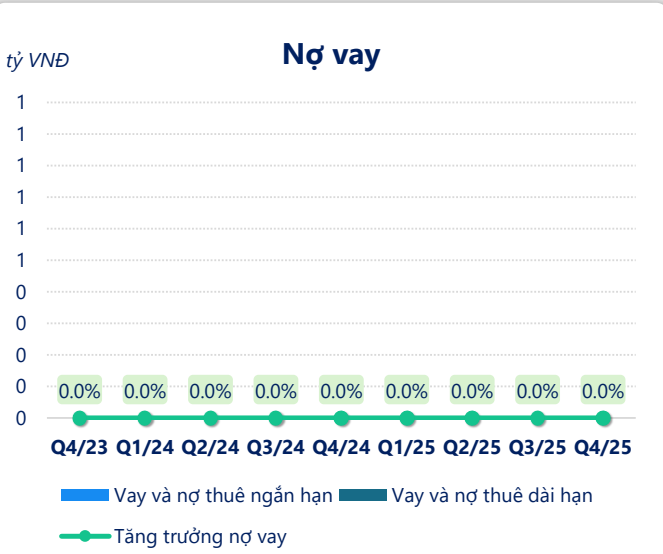
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



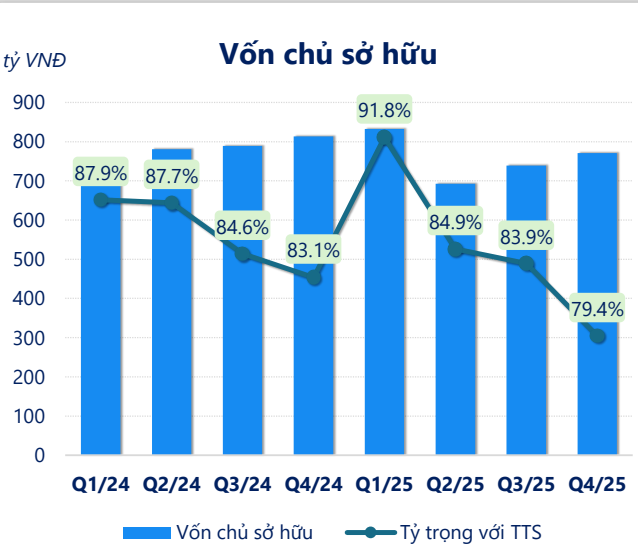
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



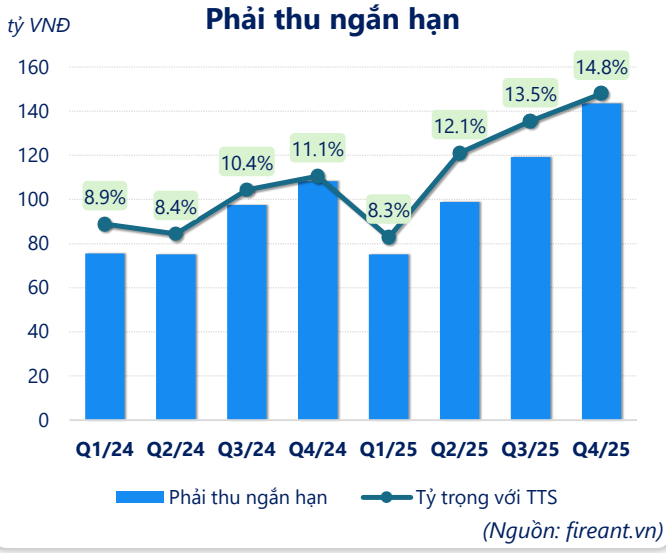
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



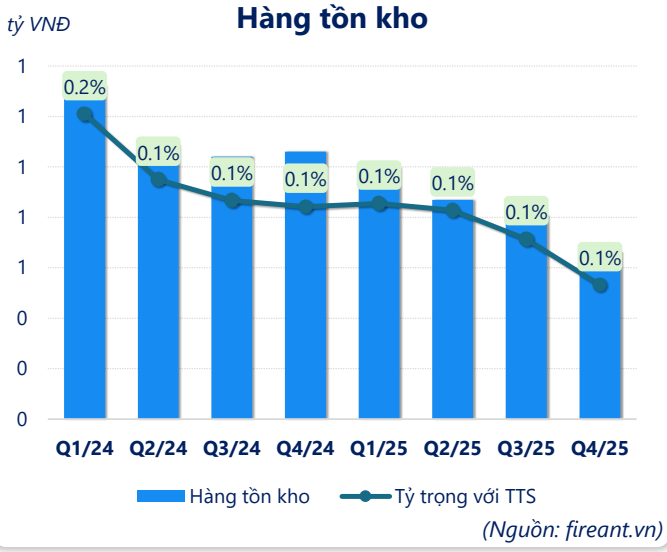
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



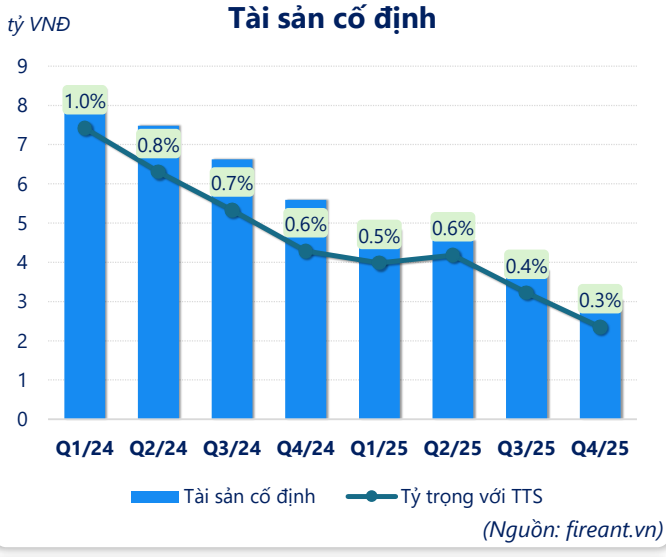
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



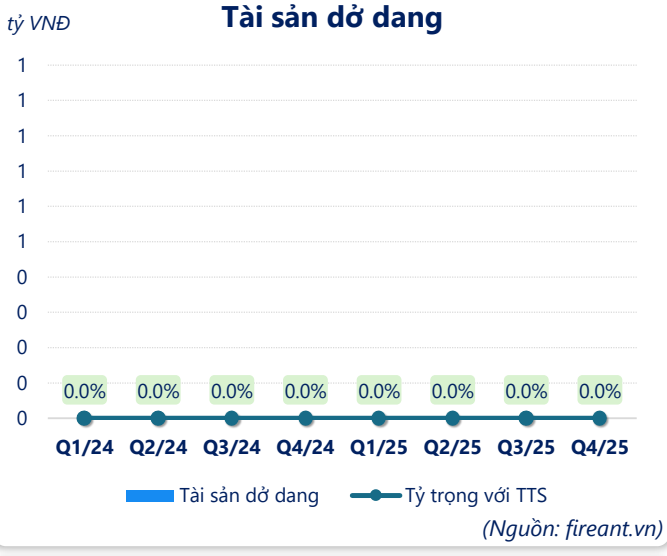
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



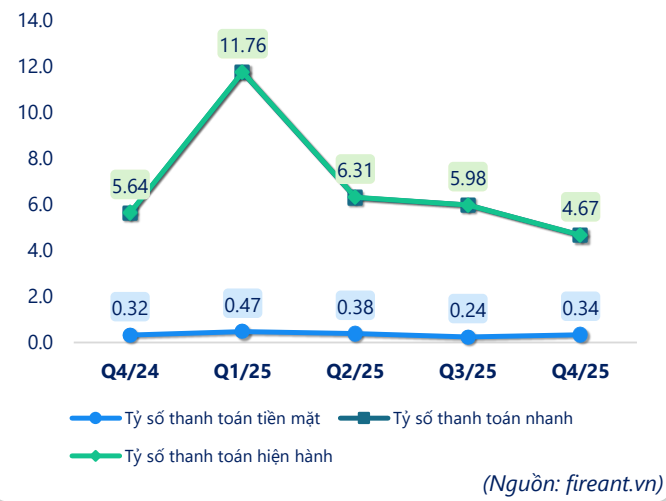
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



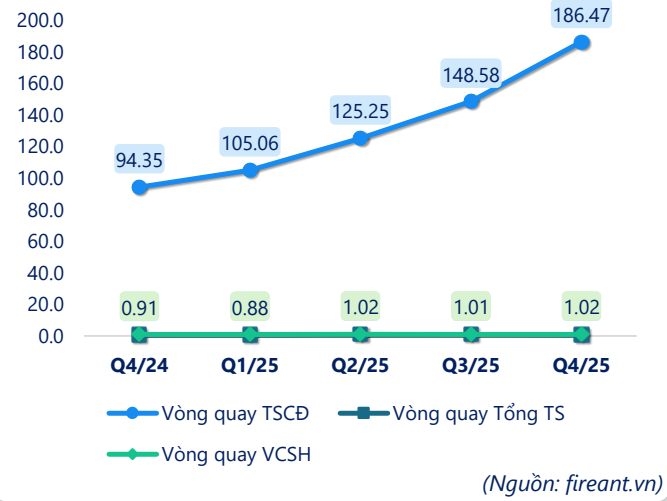
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**979**	**907**	**816**	**880**	**970**
Tài sản ngắn hạn	**928**	**859**	**771**	**837**	**925**
Tiền và tương đương tiền	53.3	34.6	46.9	33.8	67.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	763	744	622	683	710
Phải thu ngắn hạn	108	75.1	98.8	119	144
Hàng tồn kho	1.06	1.00	0.87	0.81	0.66
Tài sản ngắn hạn khác	2.75	3.70	1.87	0.95	2.44
Tài sản dài hạn	**50.9**	**47.7**	**45.8**	**42.8**	**45.5**
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.60	0.60	3.85
Tài sản cố định	5.59	4.82	4.55	3.78	3.04
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	44.7	42.3	40.6	38.4	38.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**166**	**74.1**	**124**	**141**	**199**
Nợ ngắn hạn	**165**	**73.0**	**122**	**140**	**198**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	10.3	20.8	21.5	25.9
Nợ dài hạn	0.94	1.06	1.39	1.21	1.27
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**814**	**832**	**693**	**739**	**771**
Vốn chủ sở hữu	**814**	**832**	**693**	**739**	**771**
Vốn điều lệ	185	185	185	185	185
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)